TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 3708/2023/DSST
Ngày: 15/9/2023
V/v:"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Lợi

2. Bà Nguyễn Thị Hoa

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lam - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18/8 và 15/9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 989/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3546/QĐXXST-DS ngày 26/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 4338/2023/QĐST-DS ngày 21/7/2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 5635/2023/QĐST-DS ngày 18/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH EAM.

Địa chỉ: Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Phan Anh Th (có mặt)

Địa chỉ: Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Lương T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong Đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải

được, nguyên đơn là Công ty TNHH EAM (sau viết tắt là EAM) có người đại diện theo pháp luật là ông Phan Anh Th trình bày:

Từ tháng 08/2020, EAM có ký kết với ông Nguyễn Lương T Hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật TS cho nhà hàng, khách sạn bao gồm các Hợp đồng số EAMCC216 và EAMCC217 cùng ngày 01/8/2020; Hợp đồng EAMCC218 và EAMCC219 cùng ngày 05/8/2020, thời hạn của hợp đồng là 12 tháng. Với số tiền dịch vụ tổng cộng cho 04 (bốn) hợp đồng là 249.713.244 đồng/năm (Tương ứng với phí dịch vụ chia đều ra mỗi tháng là: 20.809.437 đồng – Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Sau khi hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật TS giữa ông T và EAM được ký kết, EAM đã bố trí kỹ thuật tiến hành sửa chữa những hư hỏng đang hiện hữu của chuỗi cơ sở massage của ông T tại các địa chỉ 523 Nguyễn Oanh, Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; 142 Bùi Thị Xuân, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; 152 Trần Quang Khải, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và 03 Trần Khắc Chân, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong khoảng thời gian 04(bốn) tháng đội kỹ thuật EAM đầu tư nhiều công sức để sửa chữa, khắc phục gần như toàn bộ sự cố hư hỏng cho ông Nguyễn Lương T. Công việc bắt đầu ít dần đi, xem như giai đoạn khó khăn cho đội kỹ thuật của EAM dần dần trôi qua thì cũng là lúc ông Nguyễn Lương T yêu cầu chấm dứt hợp đồng. Với lý do "Vi phạm nhiều trong hợp đồng" nhưng không gửi văn bản trao đổi, đối chiếu giải quyết vấn đề với EAM.

Cụ thể vào ngày 03/12/2020 ông Nguyễn Lương T có gửi tin nhắn qua Zalo cho quản lý của EAM yêu cầu chấm dứt hợp đồng (từ ngày đầu ký hợp đồng đến ngày gửi thông báo yêu cầu chấm dứt hợp đồng là khoảng 04(bốn) tháng) kèm theo lý do "Do vi phạm nhiều trong hợp đồng". Trong trường hợp xấu nhất, nếu EAM có vi phạm điều gì thì phía Khách hàng là ông Nguyễn Lương T bắt buộc phải có văn bản thông báo với EAM về việc đó, để xác nhận đối chiếu với những người liên quan để làm rõ vấn đề, quy trình cụ thể được quy định tại Điều 7 của hợp đồng đã ký. Nhưng phía ông Nguyễn Lương T không thực hiện. Sau nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Lương T đưa ra văn bản để xác nhận về việc "Không hoàn thành" thì EAM cũng không nhận được một văn bản nào từ ông Nguyễn Lương T. Do không nhận được sự hợp tác từ Khách hàng, EAM đã sắp xếp người để tiến hành thương lượng đàm phán mong muốn ông Nguyễn Lương T thanh toán những khoản công nợ trong 04(bốn) tháng ông đã sử dụng dịch vụ. Nhưng ông Nguyễn Lương T vẫn cố chấp không chịu thanh toán và lại tiếp tục đưa ra lý do thiếu tính xác thực để một lần nữa trốn tránh trách nhiệm.

Ông Nguyễn Lương T có thanh toán cho EAM 3(ba) lần, sau khi trừ khoản tiền đã thanh toán của ông T thì ông T hiện còn công nợ EAM 73.419.829 đồng, cụ thể thông tin 03 (ba) lần thanh toán như sau:

Lần 1 (10/09/2020): Thanh toán 30.000.000 đồng (Thanh toán chuyển khoản qua Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam).

Lần 2 (03/11/2020): Thanh toán 27.761.000 đồng (Thanh toán chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng TMCP Á Châu).

Lần 3 (14/11/2020): Thanh toán 24.757.000 đồng (Thanh toán chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam).

Công ty TNHH EAM khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông T có trách nhiệm thanh toán chi phí dịch vụ kỹ thuật còn nợ, số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán và đền bù thiệt hại đã gây ra cho EAM do vi phạm hợp đồng, với các mức chi phí cụ thể như sau:

- Tổng chi phí công nợ là 73.419.829 đồng (Bao gồm chi phí dịch vụ kỹ thuật và vật tư phát sinh phục vụ cho việc bảo dưỡng, sửa chữa)

- Tiền lãi do công nợ tháng 10/2020 là 255.342 đồng.

- Tiền lãi do công nợ từ tháng 11/2020 đến 02/2021 là 1.703.340 đồng

- Chi phí đền bù thiệt hại do vi phạm hợp đồng là 166.475.496 đồng (Chi phí phạt của 8 tháng dịch vụ còn lại của hợp đồng (Quy định tại "Ý 3, Điều 8" của hợp đồng)

Tổng số tiền EAM yêu cầu ông T thanh toán là 241.854.007 đồng (Hai trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn không trăm lẻ bảy đồng).

2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú, thực hiện niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông Nguyễn Lương T để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng ông T không có mặt tại Tòa án cũng như gửi văn bản trình bày ý kiến nên không có ý kiến của ông T về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn có người đại diện theo pháp luật là ông Phan Anh Th trình bày: nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền chi phí công nợ còn lại là 73.419.829 đồng và chi phí của 8 tháng dịch vụ còn lại do vi phạm hợp đồng là 166.475.496 đồng. Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về buộc bị đơn thanh toán tiền lãi trên công nợ từ tháng 10/2020 đến tháng 02/2021.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Nguyễn Lương T có trách nhiệm thanh toán tiền công nợ còn thiếu và tiền phí dịch vụ 08 tháng còn lại do bị đơn vi phạm hợp đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi chậm thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Nguyễn Lương T đến Tòa án nhưng ông T không có mặt tại Tòa để tham gia tố tụng trong vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do lần thứ hai tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn trong vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn về tranh chấp hợp đồng dịch vụ; theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của nguyên đơn thể hiện EAM ký hợp đồng dịch vụ với cá nhân ông Nguyễn Lương T để thực hiện dịch vụ đảm bảo hoạt động cho các trang thiết bị điện lạnh, hệ thống nước, điện nhẹ, mát phát điện, hệ thống điện tại các cơ sở kinh doanh theo yêu cầu của ông T. Hợp đồng không ghi nhận thông tin ông T có đăng ký kinh doanh và nguyên đơn cũng xác định không biết ông T có đăng ký kinh doanh hay không nên có thể xác định tranh chấp giữa các bên là tranh chấp giao hợp đồng dân sự giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo kết quả xác minh nơi cư trú của Công an phường An Phú, thành phố Thủ Đức thì ông Nguyễn Lương T có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại địa chỉ C2 0702 chung cư Imperia, khu phố 5, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Xét yêu cầu của đương sự:

2.2.1. Xét các Hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật TS cho nhà hàng, khách sạn số EAMCC216 và EAMCC217 cùng ngày 01/8/2020; Hợp đồng EAMCC218 và EAMCC219 cùng ngày 05/8/2020 có hình thức, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, giao dịch hợp pháp, có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên ký kết hợp đồng.

2.2.2 Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Đối với yêu cầu thanh toán tiền công nợ còn thiếu là 73.419.829 đồng:

Căn cứ các Hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật TS cho nhà hàng, khách sạn số EAMCC216 và EAMCC217 cùng ngày 01/8/2020; Hợp đồng EAMCC218 và EAMCC219 cùng ngày 05/8/2020 được ký kết giữa ông Nguyễn Lương T và Công ty TNHH EAM thể hiện chi phí thực hiện dịch vụ tại địa chỉ 523 Nguyễn Oanh, Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh là

11.203.017 đồng/tháng; tại địa chỉ 142 Bùi Thị Xuân, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là 5.036.411 đồng/tháng; tại địa chỉ 152 Trần Quang Khải, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là 1.652.351 đồng/tháng và tại địa chỉ 03 Trần Khắc Chân, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là 2.917.658 đồng/tháng. Như vậy, tổng cộng số tiền dịch vụ của 4 cơ sở là 20.809.437 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Tại Vi bằng số 487/2023/VB-TPLTPHCM ngày 31/8/2023 của Văn phòng Thừa phát lại Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện EAM ghi nhận lại hình ảnh, thông tin việc tiếp nhận thông tin, trao đổi, báo cáo kết quả công việc, báo chi phí hóa đơn phát sinh cho bị đơn từ tháng 8/2020 đến tháng 11/2020 tại hệ thống EAM7 (công cụ làm việc và quản lý chính giữa EAM với khách hàng) được thỏa thuận tại Điều 5 của các Hợp đồng. Như vậy, có căn cứ xác định bị đơn có biết, quản lý, trao đổi thông tin với nguyên đơn về các hoạt động do nguyên đơn thực hiện, báo cáo cho bị đơn khi thực hiện dịch vụ thông qua hệ thống EAM7.

Do đó, có căn cứ xác định nguyên đơn đã thực tế thực hiện công việc theo thỏa thuận hợp đồng cho bị đơn tại 04 địa chỉ của các hợp đồng trong 04 tháng từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2020. Tổng chi phí thực hiện dịch vụ là 20.809.437 x 4= 83.237.748 đồng.

Tại các trang 12, 13, 23, 32, 39 và 40 của Vi bằng số 487/2023/VB-TPLTPHCM ngày 31/8/2023 thể hiện thông tin nguyên đơn đã thông báo các chi phí (hóa đơn) phát sinh khi thực hiện dịch vụ cho bị đơn tại 4 địa chỉ có tổng số tiền là 72.700.081 đồng. Không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh bị đơn không đồng ý với việc thay các trang thiết bị theo thống kê. Bị đơn không có ý kiến phản đối về số tiền kia tại Tòa án. Do đó, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận số chi phí (hóa đơn) phát sinh nêu trên.

Vì vậy, tổng số tiền thực hiện dịch vụ và chi phí phát sinh của nguyên đơn thực hiện cho bị đơn trong 04 tháng (tháng 8-11/2020) là 83.237.748 + 72.700.081=155.937.829 đồng. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 82.518.000 đồng (theo Sổ phụ kiêm phiếu báo nợ/có ngày 10/9/2020 và 14/11/2020 tại tài khoản số 19032998413011 của ông Phan Anh Th tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam và Bảng kê GD ngày 03/11/2020 tài khoản của Công ty TNHH EAM tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Phan Đăng Lưu – Phòng giao dịch Bùi Đình Túy). Như vậy, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 73.419.829 đồng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án nhưng không đến Tòa án cũng như không có văn bản trình bày ý kiến, tài liệu, chứng cứ thể hiện đã trả một phần hoặc toàn bộ số nợ nên trên nên Hội đồng xét xử xác định tính đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn thực tế nợ nguyên đơn số tiền 73.419.829 đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện đề nghị buộc bị đơn thanh toán số tiền nên trên là có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu thanh toán số tiền dịch vụ 8 tháng còn lại của hợp đồng:

Theo tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện bị đơn đã liên lạc với nguyên đơn đề nghị chấm dứt hợp đồng với lý do bên nguyên đơn vi phạm nhiều nội dung trong hợp đồng nhưng các bên không cùng nhau tiến hành làm việc để giải quyết vấn đề thanh lý hợp đồng. Sau khi nguyên đơn có văn bản

Thông báo hợp đồng số 06012021-08 ngày 06/01/2021 gửi bị đơn để giải quyết hai bên giải quyết các mâu thuẫn khi thực hiện hợp đồng nhưng bị đơn không hợp tác giải quyết. Bị đơn không đến Tòa án tham gia quá trình giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện đã giải quyết mâu thuẫn hợp đồng với nguyên đơn; thông báo thời gian chấm dứt hợp đồng trước một khoảng thời gian hợp lý cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 520 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định bị đơn tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không có sự đồng ý của nguyên đơn là vi phạm điều khoản thỏa thuận của các Hợp đồng được hai bên ký kết nên yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền dịch vụ của 8 tháng còn lại theo thỏa thuận tại Điều 8 các Hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn là có căn cứ để chấp nhận. Cụ thể số tiền là 20.809.437 x 4 = 166.475.496 đồng.

Đối với số tiền lãi chậm thanh toán từ tháng 10/2020 đến tháng 02/2021 là 1.958.682 đồng: tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút yêu cầu nêu trên, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xác định tổng số tiền ông Nguyễn Lương T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH EAM là 73.419.829 + 166.475.496 = 239.895.325 đồng. Thanh toán ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.3 Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận toàn bộ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UB-TVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn là Công ty TNHH EAM không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 6.046.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000722 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bị đơn là ông Nguyễn Lương T phải chịu án phí theo quy định pháp luật trên số tiền của nguyên đơn khởi kiện được Tòa án chấp nhận, cụ thể: 239.895.325 x 5% = 11.994.766 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 153, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 513, 515, 519, Điều 520 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty TNHHH EAM về việc:

- Buộc ông Nguyễn Lương T phải trả cho Công ty TNHHH EAM tổng số tiền là 239.895.325 (hai trăm ba mươi chín triệu tám trăm chín mươi lăm ngàn ba trăm hai mươi lăm) đồng, bao gồm:

+ Tiền công nợ còn thiếu chi phí thực hiện dịch vụ trong 04 tháng (từ tháng 08 đến 11/2020) của các Hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật TS cho nhà hàng, khách sạn số EAMCC216 và EAMCC217 cùng ngày 01/8/2020; Hợp đồng EAMCC218 và EAMCC219 cùng ngày 05/8/2020 là 73.419.829 đồng.

+ Số tiền dịch vụ 08 tháng còn lại của các hợp đồng nêu trên là 166.475.496 đồng.

Trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi từ tháng 10/2020 đến tháng 02/2021 là 1.958.682 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn là Công ty TNHH EAM được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 6.046.000 (sáu triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000722 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

Bị đơn là ông Nguyễn Lương T phải chịu án phí là 11.994.766 (mười một triệu chín trăm chín mươi bốn ngàn bảy trăm sáu mươi sáu) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Thi hành án tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- TAND TP.HCM;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Vương